

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Ông Lương Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3-
Ninh Bình

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST -DS, ngày 31/3/2025 về tranh
chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXX-ST
ngày 04 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 23/9/2025
giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Ngân hàng TMCP V (V1). Trụ sở: Tòa nhà V1, số H L, phường
Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc Trung
tâm thu hồi nợ KHDN & xử lý nợ pháp lý;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Tất T - Chuyên viên xử lý nợ

Đ nguyên đơn:Công ty cổ phần M2 (M2). Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, số I D,
phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T1 – chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T2 – Chức vụ: Trưởng phòng xử
lý nợ Miền Bắc;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Huy H - Trưởng bộ phận xử lý nợ; Bà Vũ Thị Thu H1 ; ông Lê Thanh B - Chuyên viên xử lý nợ.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1983, bà Bùi Thị O, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị O và bà Hoàng Thị T3 là anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1983 địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: Bà H1, chị O, anh M(có mặt) ông T (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O vay của Ngân hàng TMCP V (V2) tổng số tiền là: **3.517.000.000 đồng** theo Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 và khế ước nhận nợ 23/12/2023:

- Số tiền vay: **3.517.000.000 đồng**; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất ăn công nghiệp.

- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 7.49%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ 01 lần tính từ điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Mức điều chỉnh lãi suất sẽ được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/ năm.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

- Lãi suất chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

- **Quá trình thực hiện Hợp đồng:** Tính đến ngày 15/6/2024, ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã trả được tổng số tiền là **120.906.234 đồng** (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 120.906.234 đồng; trả nợ lãi chậm trả là 0 đồng). Do ông M, bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 kể từ ngày 15/6/2024 nên toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng trên của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã bị chuyển sang quá hạn toàn bộ (cả gốc và lãi) và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

=> **Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:** Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 22/12/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

▪ Ngày 25/12/2024, V2 đã tiến hành bán một phần khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O sang cho Công ty Cổ phần M2 (sau đây gọi tắt là “Công ty M2”) theo Hợp đồng mua bán nợ số 18/2024/VPB-MARS và phụ lục đính kèm (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M2. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty M2 đồng ý mua một phần khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O, bao gồm một phần khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã ký kết với V2, cụ thể như sau:

▪ Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023. Tổng giá trị khoản nợ được bán: 3.367.108.279 đồng.

Đồng thời, V2 đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty M2 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V2 đối với một phần (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng:

- Tại đơn khởi kiện, Công ty M2 khởi kiện ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O yêu cầu trả nợ đối với các Hợp đồng tín dụng (Trả nợ 90% đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023) số tiền tạm tính đến hết ngày 21/01/2025

là: **3.904.421.469 đồng** (trong đó: nợ gốc: 3.517.000.000 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là: 387.421.469 đồng).

- Tại đơn khởi kiện Ngân hàng V2 khởi kiện ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O yêu cầu trả nợ đối với các Hợp đồng tín dụng (*Trả nợ 90% đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023*) số tiền tạm tính đến hết ngày 21/01/2025 là: **390.442.147 đồng** (trong đó: nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi 37.375.163 đồng và lãi chậm trả là: 1.366.984 đồng).

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tính đến ngày 25/8/2025, ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O còn nợ Công ty cổ phần M2 tổng số tiền là: **3.854.790.732 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 3.165.300.000 đồng, nợ lãi: 637.019.258 đồng, lãi chậm trả là: 52.471.473 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tính đến ngày 25/8/2025, ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O còn nợ Ngân hàng V2 tổng số tiền là: **428.310.081 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi: 70.779.918 đồng, lãi chậm trả là: 5.830.164 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc và nợ lãi, lãi quá hạn và xin thay đổi yêu cầu về lãi chậm trả cụ thể như sau:

Buộc ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải trả cho công ty cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là: **4.279.357.765 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 3.517.000.000 đồng, nợ lãi: 757.287.702 đồng, lãi chậm trả là: 5.070.063 đồng) theo hợp đồng cho vay, cụ thể:

*** Công ty cổ phần M2 yêu cầu:** Ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho Công ty M2 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là: **3.851.421.989 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 3.165.300.000 đồng, nợ lãi: 681.558.932 đồng, lãi chậm trả là: 4.563.057 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

*** Ngân hàng V2 yêu cầu:** Ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho Ngân hàng V2 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 tổng số tiền là: **427.935.776 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi: 75.728.770 đồng, lãi chậm trả là: 507.006 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M2 và ngân

hàng V2.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O không trả nợ đầy đủ cho Công ty M2 thì Công ty M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty M2, cụ thể như sau: *“Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 22/12/2023 công chứng tại Văn phòng C*

- Bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O trình bày:

Ngày 23/12/2023, ông M và bà O ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ngày 23/12/2023 với Ngân hàng TMCP V,

- Số tiền vay: **3.517.000.000 đồng**

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất ăn công nghiệp.

- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 7.49%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã trả được tổng số tiền là **120.906.234 đồng** (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 120.906.234 đồng).

Tài sản thế chấp để vay vốn là: *Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 22/12/2023*

Ngày 25/12/2024, V2 đã tiến hành bán một phần khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O sang cho Công ty M2 theo Hợp đồng mua bán nợ số 18/2024/VPB-MARS và phụ lục đính kèm (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M2. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty M2 đồng ý mua một phần khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O, bao gồm một phần khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm,

bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã ký kết với V2, cụ thể là 90% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023. Tổng giá trị khoản nợ được bán: 3.367.108.279 đồng.

Đồng thời, V2 đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty M2 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V2 đối với một phần (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Ông đồng ý với việc mua bán nợ này.

Do việc kinh doanh gặp khó khăn, ông M, bà O chưa thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP V, nay Ngân H2 và công ty M2 khởi kiện yêu cầu ông M, bà O trả nợ, quan điểm của ông M như sau: ông M xác nhận khoản tiền nợ gốc, lãi còn nợ Ngân hàng TMCP V và công ty M2 như yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa: Ông M và bà O xin ngân hàng V2 và công ty M2 hiện nay, do làm ăn thua lỗ và gặp nhiều khó khăn nên ông M chưa có điều kiện để thực hiện ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, ông M đề nghị Ngân hàng và công ty M2 tạo điều kiện để thỏa thuận cho ông trả nợ dần trong vòng 07 năm và Ngân hàng hỗ trợ về lãi suất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T3 cũng đã có lời khai trình bày:

Ngày 23/12/2023, ông M và bà O ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ngày 23/12/2023 với Ngân hàng TMCP V,

- Số tiền vay: **3,517,000,000 đồng**

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất ăn công nghiệp.

- Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 7.49%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O đã trả được tổng số tiền là **120.906.234 đồng** (trong đó: trả nợ gốc là 0 đồng; trả nợ lãi là 120.906.234 đồng)

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ ông M và bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Để đảm bảo cho khoản vay của ông M và bà O, bà Hoàng Thị T3 đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là: *Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 22/12/2023*

Do việc kinh doanh gặp khó khăn, ông M, bà O chưa thực hiện được đầy đủ

nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, nay Ngân hàng V1 và công ty M2 khởi kiện yêu cầu ông M trả nợ, quan điểm của bà Hoàng Thị T3 do ông M và bà O chưa có điều kiện để thực hiện ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, bà T3 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để trả nợ dần và ngân hàng hỗ trợ một phần lãi suất. Bà T3 không có yêu cầu độc lập

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 5, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 117, 119, 280, 292, 298, 299, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 385, 386, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP để hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 đối với ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

2. Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải trả cho Công ty cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 4.279.357.765 đồng (cụ thể, nợ gốc: 3.517.000.000 đồng, nợ lãi: 757.287.702 đồng, lãi chậm trả là: 5.070.063 đồng) theo hợp đồng cho vay hạn mức, cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho Công ty cổ phần M2 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là 3.851.421.989 đồng (cụ thể, nợ gốc: 3.165.300.000 đồng, nợ lãi: 681.558.932 đồng, lãi chậm trả là: 4.563.057 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O1 thanh toán cho Ngân hàng V2 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là 427.935.776 đồng (cụ thể, nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi: 75.728.770 đồng, lãi chậm trả là: 507.006 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 đã ký ngày 23/12/2023.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày

ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M2 và ngân hàng V2.

3. Tài sản thế chấp: Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O không trả nợ đầy đủ cho Công ty cổ phần M2 thì Công ty cổ phần M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần M2, cụ thể như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Số vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 22/12/2023 công chứng tại Văn phòng C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng V2 và Công ty cổ phần M2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 23/9/2025, đại diện các nguyên đơn có mặt; anh Nguyễn Văn M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2025, đại diện nguyên đơn công ty M2, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt; ông Phạm Tất T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt có lý do. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Tất T.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh giữa Công ty cổ phần M2 và Ngân hàng VPBank với ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O. Trong vụ án này, ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O không có đăng ký kinh doanh, vay tiền kinh doanh bếp ăn công nghiệp và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O có nơi cư trú tại: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình). Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “Tranh

chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi của các nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Duy M và Bà Bùi Thị O1 thanh toán cho **Công ty cổ phần M2** tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là **3.851.421.989 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 3.165.300.000 đồng, nợ lãi: 681.558.932 đồng, lãi chậm trả là 4.563.057 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho **Ngân hàng V2** tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là **427.935.776 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi: 75.728.770 đồng, lãi chậm trả là: 507.006 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 được ký kết giữa ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O và đại diện của Ngân hàng V2 là hợp đồng được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ngân hàng V2 đã giải ngân số tiền vay và bà O, ông M đã ký giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M, bà O vi phạm, Ngân hàng V2 đã đôn đốc và có văn bản làm việc với ông M, bà O, đã xin khẩn nợ, nó thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Trong quá trình vay, ông M, bà O mới thanh toán trả cho V2 tổng số tiền là trả nợ lãi là 120.906.234 đồng theo hợp đồng tín dụng, do vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi phát sinh nợ quá hạn ngân hàng V2 đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện cho ông M, bà O thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng ông M và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

▪ Ngày 25/12/2024, V2 đã tiến hành bán một phần khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O sang cho **Công ty Cổ phần M2** (sau đây gọi tắt là “**Công ty M2**”) theo Hợp đồng mua bán nợ số 18/2024/VPB-MARS và phụ lục đính kèm (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M2. Cụ thể:

▪ Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023. Tổng giá trị khoản nợ được bán: 3.367.108.279 đồng.

Đồng thời, V2 đã chuyển giao quyền chủ nợ và Công ty M2 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V2 đối với một phần (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O.

Như vậy, ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Công ty M2 theo nội dung đã thỏa thuận như trong các hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của luật Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của Ngân hàng TMCP V và Công ty M2.

[2.2] Về nợ gốc; lãi phải trả:

- Về nợ gốc: Sau khi Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết thì bị đơn ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc như đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 23/12/2023 và đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đã ký kết 23/12/2023. Vì vậy việc Công ty M2 và Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn phải trả cho công ty M2 số tiền nợ gốc là 3.165.300.000 đồng và Ngân hàng V2 số tiền nợ gốc là: 351.7000.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng ngày 23/12/2023 là phù hợp với số tiền gốc đã vay và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức do các bên đã thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy kể từ ngày ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng như đã ký kết.

Cụ thể, tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 7.49%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ 01 lần tính từ điều chỉnh lãi suất đầu tiên. 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 23/12/2023 (tạm tính đến ngày 26/9/2025) là nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 757.287.702 đồng, lãi chậm trả là: 5.070.063 đồng.

Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bị đơn còn phải trả tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng như các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của các nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày

27/9/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 13/2/2023 và ngày 22/12/2023, bà Hoàng Thị T3 đã ký Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHD ký ngày 22/12/2023 giữa ngân hàng V2 và bà T3 để thế chấp tài sản là: *Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHD ký ngày 22/12/2023* đứng tên bà Hoàng Thị T3 bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 giữa ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O và Ngân hàng V2.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa chủ tài sản bà Hoàng Thị T3 với đại diện V2 là hoàn toàn tự nguyện; về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và được công chứng tại Phòng công chứng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp cho đến nay tài sản của bà Hoàng Thị T3 vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp các mốc giới không có gì thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản trên được hiện theo đúng quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 luật đất đai năm 2013; Điều 9; Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận*”. Bà Hoàng Thị T3 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N công nhận quyền sử dụng tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Như vậy đây là quyền hợp pháp của bà Hoàng Thị T3 nên Ngân hàng đã nhận thế chấp thửa đất số 61,

tờ bản đồ số 04 và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho việc vay nợ tại Ngân hàng. Như vậy, bà T3 đã dùng tài sản của bà T3 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 04 để thế chấp Ngân hàng nhằm đảm bảo cho số tiền ông M và bà O được ngân hàng cho vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

Trường hợp ông M và bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2 và công ty M2 thì Ngân hàng V2 và công ty M2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp đứng tên chủ sử dụng bà Hoàng Thị T3 để thu hồi nợ cho khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn không yêu cầu chi phí thẩm định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền **4.279.357.765 đồng** là: $[112.000.000đ + (0,1\% \times 279.357.765 \text{ đồng} = 279.357\text{đồng})] = 112.279.358 \text{ đồng}$ (*Làm tròn: 112.279.000 đồng*)

Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M2 không phải nộp án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 155, Điều 156; Điều 158; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 342, Điều 463; Điều 466; Điều 500; Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 đối với ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải trả cho công ty cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là **4.279.357.765** đồng (cụ thể, nợ gốc: 3.517.000.000 đồng, nợ lãi: 757.287.702 đồng, lãi chậm trả là: 5.070.063 đồng) theo hợp đồng cho vay hạn mức, cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho **Công ty cổ phần M2** tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 là **3.851.421.989 đồng** (cụ thể, nợ gốc: 3.165.300.000 đồng, nợ lãi: 681.558.932 đồng, lãi chậm trả là: 4.563.057 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 tổng số tiền là: **427.935.776** đồng (cụ thể, nợ gốc: 351.700.000 đồng, nợ lãi: 75.728.770 đồng, lãi chậm trả là: 507.006 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023.

Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành xong bản án, ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M2 được quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ xác lập quyền sở hữu sử dụng tài sản thế chấp.

- Sau khi ông M, chị O thi hành xong số tiền phải trả thì Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M2 có trách nhiệm giải chấp cho bà Hoàng Thị T3 toàn bộ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Duy M, bà Bùi Thị O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V Thịnh Vượng và công ty cổ phần M2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp của bà Hoàng Thị T3 để thu hồi nợ khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023, cụ thể là: *Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 61, Tờ bản đồ số: 04, địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản*

khác gắn liền với đất số CC 438739, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 01769 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/10/2016 đứng tên bà Hoàng Thị T3. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 8183611 ký ngày 13/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHD ký ngày 22/12/2023 công chứng tại Văn phòng C đứng tên bà Hoàng Thị T3

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10099663 ký ngày 23/12/2023 giữa ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O với V2 và công ty Cổ phần M2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Duy M và bà Bùi Thị O phải nộp số tiền là: **112.279.000** đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V số tiền là **9.751.054** đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi một nghìn không trăm năm mươi tư đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 3 – Ninh Bình) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001546 ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho công ty cổ phần M2 số tiền **51.139.793** đồng (Năm mươi một triệu, một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng), công ty cổ phần M2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 3 – Ninh Bình) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001542 ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thanh N

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV3- Ninh Bình;
- Thi hành án T. Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Thị Thanh Nhàn

